

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/DS-ST
Ngày 06 -6 - 2018
“V/v: “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Kim Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Thanh
2. Ông Trần Quốc Tỷ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nguyên– Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 5 và ngày 06 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự đã thụ lý số: 213/2017/DS-ST, ngày 15 tháng 5 năm 2017, về việc: “Tranh chấp Đòi lại tài sản”, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2017/QĐXXST - DS, ngày 15 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Văn S, sinh năm 1968

Địa chỉ: Ấp 6B, xã X, huyện M, Đồng Tháp.

Bị đơn: Nguyễn Minh T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Khóm A, thị A, huyện M, Đồng Tháp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Trọng T, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 171/5Bis T, phường 26, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Võ Thanh L, sinh năm 1963

3. Nguyễn Thanh D, sinh năm 1962

Cùng ĐC: Ấp Mỹ Hưng H, xã Mỹ X, huyện L, Đồng Tháp.

Anh S có mặt tại phiên tòa.

Anh T, bà L và ông D có đơn xin xét xử vắng mặt

Anh T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Nguyễn Văn S trình bày: Do hoàn cảnh nghèo không có vốn làm ăn, vào ngày 20/8/2015 anh hỏi vay của anh T số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 5%/tháng. Hình thức cho vay là thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa số 2618 tờ bản đồ số 02, diện tích 185m² do anh đứng tên quyền sử dụng đất, thủ tục lập tại phòng công chứng Tháp Mười, dưới dạng chuyển nhượng treo, khi nào người vay vi phạm hợp đồng sẽ chuyển quyền sử dụng đất cho người khác, anh T là người thừa hành thu lãi, thu nợ chuyển giao cho anh T hàng tháng.

Qua quá trình thực hiện hợp đồng (6 tháng), đến ngày 20/3/2016, gia đình gặp khó khăn nên không có tiền đóng lãi tháng thứ 7 là 5.000.000 đồng, anh hẹn anh T tháng sau trả dứt điểm, anh T không đồng ý và buộc anh phải hoàn trả lại vốn vay, nếu không anh T bán đất chuyển tên cho người khác. Do sợ mất đất không nơi để ở, nên anh cùng mẹ ruột đến nhà anh T trả nợ cho ông T 65.000.000 đồng (anh T có làm biên nhận vào ngày 24/3/2016). Hiện nay, anh T cho rằng anh chưa trả và đòi anh trả 100.000.000 đồng thì anh mới vỡ lẽ. Nay, anh yêu cầu anh T có trách nhiệm trả lại cho anh 65.000.000 đồng gốc và lãi từ tháng 4/2016 đến tháng 01/2017 là 10 tháng: 65.000.000 đồng x 5%/tháng x 10 tháng = 32.500.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 97.500.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 18/7/2017, anh Nguyễn Minh T trình bày: Do anh S có nhu cầu cần tiền nên liên hệ anh vay, anh không có tiền nên điện thoại hỏi ông Nguyễn Thanh D và chị bà Võ Thị L, ông D và bà L giới thiệu anh Nguyễn Trọng T để cho anh S vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, hàng tháng anh S đưa tiền lãi cho anh, anh giao lại cho vợ chồng anh D để đưa cho anh T vì anh và anh T không có qua lại với nhau. Anh nhận tiền lãi 6 tháng là 30.000.000 đồng đến tháng thứ 7 anh S không đóng nên ông D và anh T vô nhà anh S đòi, sau đó anh S có trả được 65.000.000 đồng, anh nhận và đến ngày 26/5/2016 thì đưa cho bà Vợ ông D 100.000.000 đồng. Nay, anh S yêu cầu anh trả 65.000.000 đồng tiền gốc và 32.500.000 đồng tiền lãi anh không đồng ý, vì tiền này anh đã đưa cho bà L vợ ông D.

- Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ và tiến hành thủ tục đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Anh Nguyễn Văn S chấp hành đúng quy định của pháp luật. Riêng anh Nguyễn Minh T vắng mặt là chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của anh S đòi anh T trả tiền gốc 65.000.000đ. Đối với phần lãi là chưa có cơ sở vì đây là quan hệ đòi lại tài sản không phải phát sinh từ hợp đồng vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát huyện Tháp Mười, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 26/4/2017 và các chứng khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các đương sự là Tranh chấp dân sự đòi lại tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, anh Sơn yêu cầu anh Toàn trả lại số tiền 65.000.000 đồng và tiền lãi 32.500.000 đồng, tổng cộng 97.500.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, anh S nộp cho Tòa án biên nhận ngày 24/3/2016. Biên nhận có nội dung “Tôi Nguyễn Minh T có nhận của anh Nguyễn Văn S số tiền 65.000.000 đồng” có chữ ký của anh T.

Anh T không đồng ý theo yêu cầu của anh Sơn vì anh thừa nhận có nhận 65.000.000đ của anh S, nhưng số tiền này anh đã chuyển cho vợ chồng ông D.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/3/2018, bà L, ông D trình bày: bà và anh T, anh T là bạn làm ăn, anh S hỏi vay tiền của T, T không có nên bà giới thiệu anh T cho vay. Ngày anh Tùng giao tiền cho anh Sơn các bên thỏa thuận tiền lãi hàng tháng Tùng giao cho T thu hộ, thu xong T gửi lên cho bà, bà chuyển cho T. Riêng số tiền 65.000.000đ T nhận của S trả cho T bà không có nhận, vì bà và T có làm ăn qua lại với nhau, có lúc T mượn tiền bà, cũng có lúc bà mượn tiền lại. Nhưng số tiền của T nhận của anh S thì T không có chuyển cho bà.

Hơn nữa, Tòa án đã niêm yết Thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, yêu cầu anh T cung cấp biên nhận ngày 26/5/2017 đối với số tiền 100.000.000đ anh chuyển cho bà nhưng anh T không cung cấp.

Tại phiên tòa anh S trình bày: Do không có tiền đóng lãi tháng thứ 7, anh xin gia hạn với anh T tháng thứ 8 anh trả hết nợ gốc và lãi, anh T không đồng ý, vô nhà anh xiết nợ đòi anh giao đất, vì sợ ảnh hưởng uy tín và sợ mất đất nên anh hỏi vay tiền bên ngoài trả cho anh T, không liên lạc được với anh T nên anh và mẹ anh mang tiền ra đưa cho anh T, anh T nhận nhưng không chuyển trả cho anh T. Nay, anh yêu cầu anh T có trách nhiệm trả lại cho anh số tiền gốc 65.000.000đ và tiền lãi từ tháng 4/2016 đến tháng 01 năm 2017 là 10 tháng x 65.000.000đ x 5% = 32.500.000 đồng.

Xét yêu cầu của anh S đòi anh T trả lại 65.000.000 đồng tiền gốc là hoàn toàn có cơ sở bởi lẽ: Tại tờ tự khai đề ngày 18/7/2017 và tại biên bản hòa giải ngày 18/7/2017 anh T thừa nhận có nhận của anh S 65.000.000đ để trả cho anh T.

Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu của anh S.

Tại khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự quy định:

1. "Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật".

Đối với số tiền lãi, tại phiên tòa anh S trình bày: Chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày anh T nhận tiền (24/3/2016) mà không đưa lại cho anh T, đến ngày anh phát hiện là tháng 11/2016 và làm đơn nộp tại Tòa án vào tháng 01/2017. Anh không yêu cầu bồi thường thiệt hại hay yêu cầu tính lãi từ ngày nộp đơn lại đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Xét yêu cầu tính lãi của anh S từ ngày anh T vi phạm nghĩa vụ đến ngày nộp đơn khởi kiện là không có căn cứ chấp nhận vì đây là quan hệ đòi lại tài sản không phát sinh từ quan hệ vay tài sản. Đối với phần lãi từ ngày anh nộp đơn khởi kiện đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử cũng như phần thiệt hại do anh Toàn gây ra cho anh từ khi chiếm giữ tài sản trái phép, anh không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận một phần yêu cầu của anh S đòi anh Toàn trả số tiền gốc 65.000.000 đồng nên anh T nộp (65.000.000 đồng x 5%) là 3.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Không chấp nhận yêu cầu của anh S đòi tiền lãi 32.500.000 đồng nên anh S phải nộp 1.625.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của anh S đòi anh T trả tiền gốc 65.000.000 đồng.

Buộc anh Nguyễn Minh T có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Văn S số tiền 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu của anh Sơn đòi anh Toàn trả tiền lãi 32.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh S, mà anh T chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất

theo quy định tại Khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Minh T phải nộp 3.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Anh Nguyễn Văn S phải nộp 1.625.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ 2.437.500 đồng tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 10163 ngày 10/5/2017, anh S được nhận lại 812.500 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

3. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng, anh Nguyễn Minh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi anh T cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh, Huyện;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- THA dân sự huyện;
- Đường sự;
- Lưu: HSVA (Oanh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Kim oanh